

Số: **224/2020/DS-PT**

Ngày: 29/7/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Cùng các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLPT-DS ngày 20/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2020/QĐ-PT ngày 11/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị P, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Mai Văn R – Hội viên hội luật gia huyện T (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Đinh Bé A, sinh năm 1999. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: số nhà 138/GQ, ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964.

Đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966. (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị P.

- *Người làm chứng do bị đơn triệu tập:*

Bà Diệp Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng bà Trần Thị T – đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn K trình bày:

Năm 2006, 2007 và năm 2009, bà bán cám, gạo, lúa, thức ăn cho heo, vịt cho bà Đặng Thị P, hình thức mua bán gói đầu, giao gạo, lúa, cám, thức ăn bao cho bà P đến khi bà P bán heo, vịt thì trả tiền, việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời. Khi bán gạo, lúa, cám, thức ăn bao cho bà P thì bà có ghi sổ theo dõi gồm số lượng hàng hóa, thành tiền, ngày tháng giao hàng để đến khi thanh toán tiền sẽ cộng sổ lại, việc ghi sổ theo dõi là do bà tự ghi và giữ sổ, bà P không có ký tên trong sổ. Tổng số tiền gạo, lúa, cám, thức ăn bà đã bán cho bà P là 59.300.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng) nhưng sau đó bà P không trả tiền và cũng không mua thức ăn tại cửa hàng của bà nữa. Bà đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P hứa hẹn nhiều lần mà chưa trả. Đến ngày 3/9/2014, sợ quá lâu bà P không trả rồi quên nhớ mịch lòng nên bà ra nhà bà P bà ghi số tiền thức ăn còn nợ tổng cộng 71.299.000 đồng vào quyển sổ tay nhỏ rồi giao cho bà P giữ để bà P nhớ, nhưng khi về nhà bà nhớ ra cộng nhầm số tiền nợ nên cùng ngày bà trở ra nhà bà P nói bà ghi nhầm số tiền nợ nên mượn lại quyển sổ tay nhỏ rồi gạt bỏ phần tiền nợ 71.299.000 đồng và ghi lại ở trang phía sau là P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm) thì bà P nói thôi bỏ quyển sổ này đi ghi lại sổ lớn cho dễ rồi bà P đưa quyển tập học sinh của con bà P cho bà nên bà ghi lại vào quyển tập học sinh nội dung “ngày 3-9-2014 H còn thiếu 28.000.000 (Hai mươi tám triệu chẵn) ngày 3-9-2006 P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm ngàn) con hứa chừng nào con về con trả tiền cho bà Hai”, trong đó phần “ngày 3-9-2014 H còn thiếu 28.000.000 (Hai mươi tám triệu chẵn)” là tiền nợ của H (con bà P) nợ tiền vay của bà, phần “ngày 3-9-2006 P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm ngàn)” là tiền bà P nợ tiền thức ăn của bà, phần “con hứa chừng nào con về con trả tiền cho bà Hai” là của H hứa, do H có chồng Đài Loan, sinh sống ở Đài Loan nên H hứa khi nào về Việt Nam sẽ trả tiền cho bà. Ở mặt sau trang giấy ghi “trả 500.000 – 25-12 tổng cộng 13.000.000 – 4 – 1 – 2018” cũng do bà ghi, phần này là của H con bà P trả dần số tiền nợ cho bà, rồi bà giao quyển tập học sinh cho bà P giữ. Đồng thời, lúc

đó bà cũng kêu bà P viết nội dung như vậy cho bà giữ thì bà P nói mất mờ viết không được nên kêu con gái là Đinh Bé A viết vào quyển tập học sinh khác với nội dung “P thiếu 59.300.000 (năm chín triệu ba trăm)”, còn H con bà P viết ở phía trên “ngày 3-9-2014 H còn thiếu 28.000.000 (hai mươi tám triệu chẵn)” “con hứa chừng nào con về con trả tiền cho bà Hai” rồi giao quyển tập cho bà giữ, bà có ghi bổ sung vào dòng chữ “ngày 3-9-2006” ở phía trên dòng chữ “P thiếu 59.300.000 (năm chín triệu ba trăm)” của Bé A ghi để biết tiền này là bà P nợ tiền thức ăn từ năm 2006 nhưng thực tế ngày Bé A ghi giấy nợ là ngày 3-9-2014. Sau khi ghi giấy nợ thì sau này mỗi khi H về Việt Nam H có trả tiền dần dần cho bà, tổng số tiền H đã trả dần là 13.000.000 đồng, mỗi khi H trả tiền bà đều có ghi sổ, trong đó 4 dòng chữ “Trả - 1000.000 4-10-2017 1 triệu; Trả - 500.000 - 10-10 - 2017 5 trăm; Trả - 1000.000 - 4 - 1 - 2018 1 triệu; Tổng cộng 13.000.000 - 4 - 1 - 2018” ở mặt sau của trang giấy là do Bé A ghi khi H trả tiền. Còn riêng bà P thì từ khi ghi giấy nợ đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P hứa hẹn mà chưa trả, đến năm 2018 thì bà P nói không có nợ tiền bà nên không trả, vì vậy hai bên phát sinh tranh chấp.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà tiền mua gạo, lúa, cám, thức ăn còn nợ tổng cộng là 59.300.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền nợ của H là nợ riêng của cá nhân H, không liên quan đến khoản nợ của bà P nên bà sẽ tính lại với H sau, khi có yêu cầu bà sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Bà đồng ý với kết luận giám định số 246/2019/GĐTL ngày 09/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và kết luận giám định số 4395/C09B ngày 16/10/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định bổ sung hay giám định lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị P trình bày:

Khoảng năm 2006, bà có mua gạo ăn của bà T nhưng chỉ mua vài lần và mỗi lần vài kilôgam (kg) gạo đều trả tiền liền nên không có nợ tiền bà T. Và bà không có mua gạo, lúa, cám, thức ăn cho heo, vịt của bà T nên bà không có nợ tiền thức ăn của bà T.

Khoảng năm 2007, bà chuẩn bị đi Đài Loan để nuôi con gái bà là H (H có chồng Đài Loan) nhưng bà không có tiền nên bà cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) của cha bà là ông Đặng Văn Thân cho bà T giá 5.000.000 đồng. Bà đi Đài Loan 9 tháng sau về thì bà T mang sổ đỏ ra nhà bà tính tiền vốn 5.000.000 đồng và lấy tiền lãi là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng thì H con bà nói tiền lãi gì nhiều quá vậy, bà T nói tiền bà vay bạc nóng lãi cao nên H cũng đồng ý trả 15.000.000 đồng cho bà T, bà T trả sổ đỏ lại cho bà, việc trả tiền và trả lại sổ đỏ không có giấy tờ gì. Sau khi H trả tiền xong thì bà T nói tiền vay bạc nóng nên xin thêm vài triệu đồng tiền lãi thì H nói sau này về Việt Nam có bao nhiêu thì con

cho bà Hai (bà T) bấy nhiêu, cho nên sau này mỗi lần H về Việt Nam thì cho bà T lần 1.000.000 đồng, lần 500.000 đồng, có khi 2.000.000 đồng. Đến năm 2018, H nói bà kêu bà T cộng tiền H đã đưa thêm cho bà T là bao nhiêu để biết nên bà kêu bà T đem sổ ra nhà cộng lại, tổng cộng số tiền đã đưa là 13.000.000 đồng nên H nói là đưa nhiều quá rồi nên xin dứt không đưa nữa. Bà xác định số tiền 13.000.000 đồng đã trả này là tiền lãi của số tiền cầm sổ đỏ bà T xin thêm.

Đến tết năm 2019, bà T mang 02 quyển sổ ra đưa cho bà và nói bà nợ tiền thức ăn của bà T, trong đó bà T ghi bà nợ 59.300.000 đồng nên bà nói bà không có nợ tiền thức ăn của bà T, bà không đồng ý nhận sổ và cũng không đồng ý trả tiền. Do thấy trong sổ bà T đưa có ghi tiền H trả cho bà T 13.000.000 đồng, trong khi trước đây bà chỉ mượn có 5.000.000 đồng nên bà nhận sổ để định kiện bà T cho vay lãi cao nhưng sau đó bà không kiện. Sau đó bà T thấy bà không đồng ý trả tiền nên khởi kiện bà, bà T đã có khởi kiện bà rồi nhưng sau đó rút đơn khởi kiện và hiện nay là khởi kiện lại.

Bà T cho rằng bà nợ tiền thức ăn của bà T 59.300.000 đồng là hoàn toàn không có và cũng không có sự việc Bé A con bà ghi biên nhận nợ giao cho bà T giữ. Bà T cho rằng nội dung “P thiếu 59.300.000 (Năm mươi chín triệu ba trăm)” được ghi trong quyển tập học sinh bà T giao nộp cho Tòa án là do Bé A ghi vào ngày 3-9-2014 là hoàn toàn không đúng, chữ viết này không phải của Bé A. Nay, bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền mua thức ăn còn nợ 59.300.000 đồng là bà không đồng ý.

Đối với tiền cầm sổ đỏ thì H con bà đã thay bà trả cho bà T xong, bà không có nợ tiền gì của bà T. H con bà cũng không có vay mượn hay nợ tiền gì của bà T.

Bà đồng ý với kết luận giám định số 246/2019/GĐTL ngày 09/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và kết luận giám định số 4395/C09B ngày 16/10/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định bổ sung hay giám định lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Đinh Bé A trình bày:

Chị có biết bà T vì bà T cũng thường đến nhà chị chơi với mẹ chị nhưng chị không biết việc mẹ chị nợ tiền thức ăn bà T, chị cũng không có nghe nói chuyện mẹ chị nợ tiền bà T. Bà T cho rằng ngày 3-9-2014 chị viết biên nhận nợ có nội dung “P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm)” vào quyển tập học sinh giao cho bà T giữ là hoàn toàn không có, chữ viết trên không phải của chị. Chị xác định nội dung “P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm)” ghi trong quyển tập học sinh bà T giao nộp cho Tòa án không phải là chữ viết của chị và 4 dòng chữ “trả - 1000.000 4-10-2017 1 triệu; trả - 500.000 - 10-10 - 2017 5 trăm; trả - 1000.000 - 4 - 1 - 2018 1 triệu; tổng cộng 13.000.000 - 4 - 1 - 2018” được ghi ở mặt sau trang giấy tập học sinh cũng không phải là chữ viết của chị.

Chị đồng ý với kết luận giám định số 246/2019/GĐTL ngày 09/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và kết luận giám định số 4395/C09B ngày 16/10/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định bổ sung hay giám định lại.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 đã quyết định:

Áp dụng các điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Đặng Thị P.

Buộc bà Đặng Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền mua thức ăn còn nợ 59.300.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11/12/2019 bà Đặng Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm bà P vẫn giữ quan điểm kháng cáo. Bà T vẫn giữ quan điểm khởi kiện không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: các kết luận giám định đều kết luận không có đủ cơ sở để kết luận các mẫu chữ viết trong chứng cứ mà bà T cung cấp so với chữ viết của chị Bé A có phải do cùng một người viết ra hay không. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Bà P không thừa nhận sổ ghi nợ mà bà T giao nộp. Chị Bé A không thừa nhận chữ viết là của chị Bé A. Kết luận giám định cũng không đủ cơ sở để kết luận các mẫu chữ viết trong chứng cứ mà bà T cung cấp so với chữ viết của chị Bé A có phải do cùng một người viết ra hay không. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bà P; đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà T và bà P có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau. Bà T cho rằng khoảng năm 2006, 2007 và năm 2009, bà có bán thức ăn, cám, gạo, lúa, cho bà P, hình thức mua bán gói đầu đến khi bà P bán heo, vịt thì trả tiền, việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Khi bán gạo, lúa, cám, thức ăn cho bà P thì bà có ghi sổ theo dõi gồm số lượng hàng hóa, thành tiền, ngày tháng giao hàng để đến khi thanh toán tiền sẽ cộng sổ lại, việc ghi sổ theo dõi là do bà tự ghi và giữ sổ, bà P không có ký tên trong sổ. Tổng số tiền gạo, lúa, cám, thức ăn bà đã bán cho bà P là 59.300.000, sau đó bà P không trả tiền và cũng không mua thức ăn tại cửa hàng của bà nữa. Bà đã yêu cầu bà P trả tiền nhiều lần nhưng bà P không trả nên bà mới khởi kiện.

Chứng cứ bà T cung cấp là giấy ghi nợ ngày 3/9/2014, bà T cho rằng bà ghi nợ vào quyển sổ tay nhỏ số tiền là 71.299.000 đồng nhưng do nhầm lẫn nên đã gạt bỏ và ghi lại số tiền 59.300.000 đồng. Đồng thời, Đình Bé A (con bà P) ghi vào quyển vở học sinh khác với nội dung “ngày 3-9-2014 H còn thiếu 28.000.000 (Hai mươi tám triệu chẵn) ngày 3-9-2006 P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm ngàn) con hứa chừng nào con về con trả tiền cho bà Hai” và giao mỗi bên giữ một quyển. Trong đó phần “ngày 3-9-2014 H còn thiếu 28.000.000 (Hai mươi tám triệu chẵn)” là tiền nợ của H (con bà P) nợ tiền vay của bà, phần “ngày 3-9-2006 P thiếu 59.300.000 đồng là số tiền bà P còn nợ bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T cung cấp sổ sách mua bán bà còn lưu giữ thể hiện: năm 2006 bà P còn nợ khoản tiền hơn 24.000.000 đồng, năm 2007 nợ hơn 24.000.000 đồng, năm 2008 bà P đi nước ngoài, năm 2009 về nước tiếp tục mua và còn thiếu lại hơn 10.000.000 đồng. Qua đối chiếu quyển sổ bà T cung cấp trùng khớp với số tiền bà P còn thiếu. Đồng thời, theo xác nhận của những người làm chứng bà Nguyễn Châu S, bà Phạm Thị B, bà Trần Thị T1, bà Phùng Thị D thì từ năm 2006-2009 bà P có chăn nuôi gia súc, gia cầm nhưng không rõ số lượng bao nhiêu và bà P có mua thức ăn của bà T nhưng hiện nay còn nợ tiền bao nhiêu thì không biết. Như vậy, lời trình bày của bà T cho rằng bà P có mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm của bà T là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P và người làm chứng là bà Diệp Thị H cho rằng năm 2006, 2007 bà P sống bên chồng ở xã T, năm 2008 bà P đi Đài Loan và đến năm 2009 bà P mới về xã T. Bà T cung cấp “Đơn xác nhận thông tin” được

Công an xã T xác nhận với nội dung bà Đặng Thị P sinh sống tại xã T từ năm 2006 – 2009. Như vậy, lời trình bày của bà T về việc bà P sinh sống tại xã T là phù hợp với xác nhận của Công an xã T.

[3] Bà P cho rằng năm 2007 bà có nuôi ít con gà vịt, có mua thức ăn của bà T nhưng bà không còn thiếu tiền của bà T. Số tiền H (con bà P) trả cho bà T là do năm 2007 bà đi Đài Loan để nuôi H sinh con, do không có tiền nên bà cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) của cha bà là ông Đặng Văn Thân cho bà T giá 5.000.000 đồng. Sau khi bà về thì bà T mang sổ đỏ ra nhà bà tính tiền vốn 5.000.000 đồng và lấy tiền lãi là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng số tiền này H đã trả xong. Sau khi H trả tiền xong thì bà T nói tiền vay bạc nóng nên xin thêm vài triệu đồng tiền lãi. Đến năm 2018 thì H đã cho bà T thêm số tiền là 13.000.000 đồng. Do trong sổ nợ của bà T ghi tiền H trả cho bà 13.500.000 đồng, trong khi trước đây bà P chỉ nợ bà T có 5.000.000 đồng nên bà P định lấy sổ để kiện bà T nhưng bà P không kiện. Lời trình bày này của bà P không được bà T thừa nhận và bà P cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày này. Trong khi chứng cứ bà P cung cấp cho Tòa án là quyển sổ có ghi số tiền mà bà P còn nợ bà T trùng khớp số tiền 59.300.000 đồng mà bà T yêu cầu.

Bà P cho rằng bà không mua bán gì với bà T, có khi bà P lại cho rằng bà có nuôi ít con gà, vịt, có mua bán thức ăn của bà T nhưng bà không còn thiếu tiền của bà T. Như vậy, lời trình bày của bà P là không thống nhất, có sự mâu thuẫn.

Đối với kết luận giám định số 246/2019/GD9TL ngày 09/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre; kết luận giám định số 4395/ C09B ngày 16/10/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công An tại Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận giám định số 156/2020/GĐTL ngày 03/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre đều kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ số “P thiếu 59.300.000 (năm mươi chín triệu ba trăm) - trả - 1000.000 4-10-2017 1 triệu; trả - 500.000 – 10-10 – 2017 5 trăm; trả - 1000.000 – 4 – 1 – 2018 1 triệu; tổng cộng 13.000.000 – 4 – 1 – 2018” với các mẫu so sánh có phải cùng một người viết ra hay không. Kết luận giám định chỉ khẳng định không đủ cơ sở kết luận chữ không xác định chữ viết đó không phải là của chị Bé A . Bà P căn cứ vào kết luận giám định để cho rằng bà không có nợ tiền của bà T là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên kháng cáo của bà P là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định lần thứ nhất là 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng), chi phí giám định lần thứ hai là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng), tổng cộng là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) bị đơn bà Đặng Thị P phải chịu. Do bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng số tiền nêu

trên nên bà P có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị P giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Áp dụng các điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Đặng Thị P.

Buộc bà Đặng Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền mua thức ăn còn nợ 59.300.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị P có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự có giá ngạch: bà Đặng Thị P phải chịu số tiền 2.965.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.480.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005014 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị P phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008638 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy